TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2023
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh

2. Ông Bùi Văn Dũng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình -Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/2023/QĐ-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đường B, ấp Hòa L, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Đông T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị K có mặt; anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016 ngày 25/01/2016.

Thời gian sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và tính cách từ sau khi kết hôn. Hiện vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020, thời gian xa nhau không có hàn gắn

tình cảm, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/11/2015, hiện con đang sống chung với chị K. Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu cầu khởi kiện của chị K, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa,

Chị K trình bày: Sau khi cưới nhau chị K và anh Q về sống với ba mẹ ruột của chị K tại ấp Hòa L, xã H, thành phố Cao Lãnh. Thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q không đi làm kiếm tiền lo cho vợ con, mọi chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng con đều do chị K tự lo. Từ năm 2019, anh Q đã về sinh sống cùng gia đình tại xã T, thành phố Cao Lãnh và cũng không đến thăm con, vợ chồng cũng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Chị K xác định, chị K đã không còn tình cảm yêu thương với anh Q, tình cảm không thể hàn gắn, chị K không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Q. Mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh Q.

Hiện tại, chị K vẫn chăm sóc và lo cho con ăn học, chị K có công việc thu nhập ổn định mỗi tháng thu nhập khoảng 6.000.000đồng/tháng đủ để nuôi dưỡng chăm sóc con chung nên chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/11/2015, chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Thời gian chung sống chị K và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/01/2016 nên hôn nhân giữa chị K và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh Q không hạnh phúc, vợ chồng không có sự chia sẻ, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Q không quan tâm chăm sóc con cái và gia đình, không chí thú làm ăn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị K vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Q và khẳng định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng với anh Q mong Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị K và anh Q đã không còn hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa anh Q và chị K không có sự chia sẻ yêu thương, anh Q không thực hiện trách nhiệm làm chồng, làm cha trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Quan hệ hôn nhân của chị K và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, chị K được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị K và Giấy khai sinh của con chung, xác định chị K và anh Q có một con chung 01 con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/11/2015, hiện con chung đang sống với chị K. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Nguyễn Gia H hiện đang sinh sống cùng với chị K, chị K đã nuôi dưỡng chăm sóc con chung từ nhỏ, chị K xác định chị K có công việc và thu nhập đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, cháu Nguyễn Gia H cũng có nguyện vọng được sống chung với chị K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, chị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[2.4] Về nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định. Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị K. Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/11/2015, hiện con chung đang sống với chị K. Chị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007061 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị K đã nộp xong tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ong Thị Ngọc Tâm